

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ NAM ĐỊNH
TỈNH NAM ĐỊNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 382/2020/HNGĐ-ST

Ngày 31-7-2020

V/v: Ly hôn giữa chị H, anh L

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ NAM ĐỊNH, TỈNH NAM ĐỊNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Công Khánh

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Trần Thị Thu

Ông Đoàn Hồng Hải

- Thư ký phiên tòa: Ông Hoàng Anh Tuấn - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Nam Định

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Nam Định tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Hải Hoàng - Kiểm sát viên;

Ngày 31-7-2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Nam Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 238/2020/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 6 năm 2020 về “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 64/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 21-7-2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Dương Thị H, sinh năm 1977

Nơi đăng ký hộ khẩu tại: Số nhà 18/25/213 đường M, phường Q, thành phố N; nơi cư trú tại: Số nhà 68 đường C, phường T, thành phố N.

2. Bị đơn: Anh Phạm Thế L, sinh năm 1974

Nơi đăng ký hộ khẩu tại: Số nhà 18/25/213 đường M, phường Q, thành phố N; nơi cư trú tại: Số nhà 68 đường C, phường T, thành phố N.

Tại phiên tòa chị H, anh L có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án và tại phiên tòa nguyên đơn trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh L tự nguyện kết hôn có đăng ký kết hôn năm 2000 tại Ủy ban nhân dân phường Q, thành phố N. Sau kết hôn đến năm 2012 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh L thường xuyên nghi ngờ và đánh, chửi chị. Chị xác định tình cảm không còn nên xin ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Phạm Thế T, sinh ngày 06-9-2001. Hiện nay đã trưởng thành, tự lập nên không yêu cầu giải quyết.

Trong quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa, bị đơn trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh L xác nhận điều kiện kết hôn như chị H trình bày. Về nguyên nhân mâu thuẫn của vợ chồng theo anh do chị H thường hội họp và đi du lịch với bạn bè mà không hỏi ý kiến anh. Nay anh mong vợ chồng hòa giải vợ chồng đoàn tụ cùng nuôi dạy con. Còn nếu chị H vẫn cương quyết xin ly hôn thì anh cũng đồng ý.

Về con chung: Chị H, anh L thống nhất trình bày vợ chồng có 01 con chung là Phạm Thế T, sinh năm 2001, cháu đã trưởng thành, tự lập nên không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản, nhà đất, công nợ chung và các loại tài sản khác: Chị H, anh L đều không yêu cầu giải quyết;

Tổ trưởng tổ dân phố số 17, phường T, thành phố N xác nhận vợ chồng chị H và anh L có xảy ra mâu thuẫn nguyên nhân cụ thể không nắm được và đề nghị giải quyết theo quy định pháp luật.

Quan điểm của Kiểm sát viên: Về quá trình tiến hành tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật, đảm bảo quyền và nghĩa vụ của các bên đương sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị xử lý hôn giữa chị H và anh L.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chị H và anh L tự nguyện kết hôn có đăng ký kết hôn năm 2000 tại Ủy ban nhân dân phường Q, thành phố N nên là hôn nhân hợp pháp. Sau kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2012 thì phát sinh mâu thuẫn là do vợ chồng thường xảy ra những xung đột, cãi vã, vợ chồng không tôn trọng và tin tưởng nhau, nên cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc. Tại phiên tòa chị H vẫn giữ nguyên quan điểm xin ly hôn anh L tuy không muốn ly hôn, nhưng nếu chị H vẫn cương quyết xin ly hôn thì anh cũng đồng ý. Tòa án đã tiến hành hòa giải để hai bên khắc phục mâu thuẫn vợ chồng đoàn tụ duy trì hạnh phúc. Chính quyền địa phương cũng xác nhận vợ chồng chị H, anh L có mâu thuẫn nên đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật. Xét thấy tình trạng hôn nhân giữa chị H và anh L đã lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy cần xử lý hôn giữa chị H và anh L là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2] Về con chung: Chị H và anh L có 01 con chung là Phạm Thế T, sinh ngày 06-9-2001. Hiện nay cháu đã trưởng thành, tự lập nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[3] Về tài sản, nhà đất, công nợ chung và các loại tài sản khác: Chị H và anh L không yêu cầu nên Tòa án không đặt ra xem xét giải quyết.

[4] Về án phí sơ thẩm: Chị H phải nộp theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử lý hôn giữa chị Dương Thị H và anh Phạm Thế L;

2. Án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Dương Thị H phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) được khấu trừ vào 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu tiền số 0002966 ngày 09-6-2020 của Chi cục thi hành án Dân sự thành phố Nam Định.

3. Chị Dương Thị H, anh Phạm Thế L có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Nam Định;
- VKSND tỉnh Nam Định;
- VKSND thành phố Nam Định;
- Chi cục THADS-TP. Nam Định;
- UBND phường Q;
- UBND phường T;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Trần Công Khánh

CÁC HỘI THẨM

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Công Khánh